TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS -ST
Ngày: 20-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hải Nam**.

2/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2023, về việc *"Tranh chấp hợp đồng gia công"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Đặng Quốc H**, sinh năm 1948. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: số C, khu D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Vào ngày 07/11/2022, anh có nhận sửa chữa cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh B 01 chiếc ghe với tổng số tiền chi phí nhân công, vật tư còn nợ tổng cộng 30.000.000đ. Đến ngày 18/12/2022 anh B tự cắt khoá ghe lấy ghe đi mà không báo cho ông biết. Khi phát hiện mất ghe ông có đến Công an xã Quới An trình báo và xác định được vợ chồng anh B đã lấy, ông trực tiếp đến nhà anh B

thì anh B thừa nhận là đã lấy chiếc ghe nhưng không báo cho ông cũng không trả tiền chi phí cho ông.

Sau khi trao đổi thì anh B đồng ý viết giấy thừa nhận nợ là 30.000.000đ và hứa 10 ngày sau trả 10.000.000đ kể từ ngày 18/12/2022 và tiếp sau 10 ngày trả tiếp 10.000.000đ đến khi trả đủ số nợ. Nhưng đến nay anh B chỉ trả cho ông được 12.000.000đ, ông đã gọi điện nhắc nhở nhiều lần nhưng anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và còn thách thức ông đi kiện.

Nay ông khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn nợ là 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ trả số tiền gia công còn nợ 18.000.000đ *(Mười tám triệu triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Thanh B có địa chỉ cư trú ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long trả số tiền theo hợp đồng gia công còn nợ 18.000.000đ. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng gia công", nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Thanh B được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào ngày 07/11/2022 ông Huỳnh Văn T có nhận gia công sửa chữa ghe cho anh Nguyễn Thanh B, số tiền anh B phải thanh toán cho ông T là 30.000.000đ, có làm biên nhận. Biên nhận do anh B viết và ký tên. Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Nguyễn Thanh B để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh B vẫn vắng mặt không có lý do, không trình bày văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn

đưa ra. Do vậy thực tế hợp đồng gia công là có xảy ra, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét quá trình thực hiện hợp đồng đến nay bị đơn anh B chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn ông T được 12.000.000đ thì ngưng. Số tiền còn lại 18.000.000đ nguyên đơn đã đến đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 3 Điều 544 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó việc nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn anh B phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ 18.000.000đ, không yêu cầu tính lãi là có lợi cho phía bị đơn và có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 542, 544 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn anh B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông T số tiền còn nợ là 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)*.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 5, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể anh B phải nộp 18.000.000đ x 5% = 900.000đ *(Chín trăm ngàn đồng)*.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã 450.000đ *(Bốn trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0004002 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 542, 544 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ trả nguyên đơn ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ 18.000.000đ *(Mười tám triệu đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ nộp 900.000đ *(Chín trăm ngàn đồng).*

2.2. Hoàn trả ông Huỳnh Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 450.000đ *(Bốn trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0004002 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An